

Bản án số: 78/2018/DS- ST

Ngày 18/9/2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Minh Trí

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Đông

2. Ông Lê Văn Ty

- *Thư ký ghi biên bản:* Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Ông (Bà) Võ Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày **18** tháng **9** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 164/2018/TLST-DS, ngày 19/6/2018 về việc “ *Tranh chấp hợp đồng mua bán* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2018/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 182/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Minh S**, sinh: 1972. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Xuân Th**, sinh: 1962. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Bùi Thị L**, sinh: 1968.

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2018, bản tự khai cùng với các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Lê Minh S trình bày:

Ông có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi heo với ông Nguyễn Xuân Th và bà Bùi Thị L từ ngày 30/01/2017. Đến ngày 26/11/2017 ông Th, bà L còn nợ số tiền 46.830.000 đồng, nhiều lần ông yêu cầu ông Th và bà L trả số tiền này và đến ngày

09/02/2018 ông Th có trả được số tiền là 15.000.000 đồng, còn nợ lại 31.830.000 đồng đến nay chưa trả.

Nay, ông yêu cầu ông Nguyễn Xuân Th có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 31.830.000 đồng và tính lãi từ ngày 02/4/2018 đến ngày khởi kiện 19/6/2018 với mức lãi suất 0,83%/tháng. Ông rút lại yêu cầu liên đới đối với bà Bùi Thị L có nghĩa vụ cùng trả với ông Nguyễn Xuân Th.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 17/8/2018 ông Nguyễn Xuân Th trình bày:

Ông có nhận được thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên hòa giải 02 lần của Tòa án, ông thừa nhận khi chốt sổ mua bán thức ăn với ông S ông còn thiếu ông S số tiền 31.830.000 đồng, ông có đem số tiền 2.000.000 đồng trả cho ông S nhưng ông S không đồng ý nhận nên hiện tại ông vẫn còn nợ ông S số tiền 31.830.000 đồng. Ông đồng ý trả số tiền gốc này cho ông S nhưng xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đối với số tiền lãi 1.160.000 đồng ông chỉ đồng ý trả khi ông S rút đơn khởi kiện, trường hợp ông S không rút đơn thì ông không đồng ý trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhận dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, thụ lý đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng như nguyên đơn chấp hành đúng quy định theo Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc và tiền lãi. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đối với bà Bùi Thị L có nghĩa vụ liên đới cùng trả với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2018 của ông Lê Minh S đối với ông Nguyễn Xuân Th và bà Bùi Thị L thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Ông Nguyễn Xuân Th có nơi cư trú tại xã Tân Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai

chứng cứ cũng như thông báo hòa giải cho ông Th, bà L đến Tòa để tiến hành hòa giải nhưng ông Th, bà L vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã triệu tập họp lệ đến lần thứ 2, nhưng ông Th, bà L vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Th, bà L.

Về nội dung:

Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất về số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là 31.830.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 31.830.000 đồng và tính lãi suất từ ngày 02/4/2018 đến ngày khởi kiện 19/6/2018 với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng và không yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L có nghĩa vụ liên đới cùng trả với bị đơn. Xét đây là ý chí tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Đình chỉ một phần yêu cầu này của nguyên đơn.

Theo giấy xác nhận nợ mà nguyên đơn giao nộp cũng như sự thừa nhận của bị đơn thấy rằng đến ngày 09/02/2018 thì ông Nguyễn Xuân Th còn nợ ông S số tiền 31.830.000 đồng, ông Th cho rằng ông có đem số tiền 2.000.000 đồng đến trả cho ông S nhưng không được ông S đồng ý và ông xin trả dần số tiền này mỗi tháng là 2.000.000 đồng đến khi dứt nợ nhưng yêu cầu xin trả dần này không được phía nguyên đơn đồng ý và việc xin trả dần thuộc về giai đoạn thi hành án nên không có cơ sở xem xét. Do đó, cần buộc ông Th có nghĩa vụ trả cho ông S số tiền gốc là 31.830.000 đồng là có cơ sở.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 02/4/2018 đến ngày 19/6/2018: Theo sổ theo dõi mua bán thức ăn hai bên không ghi nội dung các bên thỏa thuận có lãi nhưng đến hạn trả tiền mà bên mua không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên bán có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả. Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn không vượt quá 20%/năm tại thời điểm trả nợ, tương đương 0,83%/tháng. Yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất là 0,83%/tháng là không vượt quá mức lãi suất quy định. Do đó, số tiền lãi được tính từ thời gian chậm trả đến ngày 19/6/2018 được tính như sau: Từ ngày 02/4/2018 đến ngày 19/6/2018 (31.830.000đồng x 02 tháng 17 ngày x 0,83%) = 677.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền lãi mà ông Th có nghĩa vụ trả cho ông S là: 677.000 đồng.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mô Cày Nam phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, cần buộc ông Nguyễn Xuân Th có nghĩa vụ trả cho ông Lê Minh S tổng số tiền là 32.507.000 đồng là phù hợp.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 32.507.000 đồng x 5% = 1.625.000 đồng, ông Th có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Áp dụng khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, 91, 92, 93, 96, 147, 217, 218 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh S đối với ông Nguyễn Xuân Th. Đình chỉ yêu cầu của ông Lê Minh S đối với bà Bùi Thị L.

Cụ thể tuyên:

Buộc ông Nguyễn Xuân Th có nghĩa vụ trả cho ông Lê Minh S số tiền là 32.507.000 (*Ba mươi hai triệu năm trăm lẻ bảy nghìn*) đồng.

Kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân Th có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 1.625.000 (*Một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho ông Lê Minh S số tiền 824.000 (*Tám trăm hai mươi bốn nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0016615 ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- VKSND huyện Mỏ Cày Nam.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí